

Số: 3038 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 09 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên địa bàn tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BCT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2300/TTr-SCT ngày 12 tháng 6 năm 2026 và Công văn số 2590/SCT.KTAT-MT ngày 30/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên địa bàn tỉnh Nghệ An, bao gồm:

1. Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn quản lý, trừ các tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp và các tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; được quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2026/TT-BCT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

2. Thực hiện công tác quản lý, kiểm tra về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật; theo dõi, giám sát việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và dịch vụ nổ mìn theo thông báo của tổ chức, doanh nghiệp đề

đảm bảo an ninh, an toàn; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp định kỳ, đột xuất theo quy định; được quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 19 Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9, khoản 10 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

3. Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Bộ Công Thương thẩm định; được quy định tại khoản 5 Điều 24 Thông tư số 26/2026/TT-BCT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

4. Tiếp nhận hồ sơ, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1, nhóm 2; được quy định tại khoản 3 Điều 24 Thông tư số 26/2026/TT-BCT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

5. Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5 và loại 8 quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 161/2024/NĐ-CP; điểm b, điểm e khoản 4 Điều 44 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ; được quy định tại Điều 25 Thông tư số 26/2026/TT-BCT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

6. Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đối với loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), loại 2, loại 3, loại 4, loại 9 theo quy định tại điểm b, điểm e khoản 4 Điều 44 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ; được quy định tại Điều 25 Thông tư số 26/2026/TT-BCT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Điều 2. Thời hạn ủy quyền

Ủy quyền có hiệu lực từ ngày Quyết định này có hiệu lực cho đến khi có văn bản thay thế hoặc điều chỉnh các nhiệm vụ ủy quyền nêu trên, trừ trường hợp quy định của pháp luật liên quan có thay đổi.

Điều 3. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Công Thương

1. Tổ chức thực hiện đúng nội dung được ủy quyền tại Điều 1, Điều 2 theo quy định của pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo đối với các vấn đề vượt thẩm quyền hoặc phát sinh trong quá trình triển khai.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực nêu tại Điều 1 Quyết định này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định pháp luật trong lĩnh vực đó tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Nội dung quy định tại khoản 29 Điều 1 Quyết định số 2933/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh; khoản 10 Điều 1 Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 17/3/2026 của UBND tỉnh; Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 21/5/2026 của UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ll*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NC (TP, Vinh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thành Vinh